

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Đường thủy nội địa, Đường bộ, Đăng kiểm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 216/TTr-SGTVT ngày 16/01/2020 và Báo cáo thẩm tra số 96/BC-VP ngày 20/01/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường thủy nội địa, Đường bộ, Đăng kiểm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa (Có Danh mục kèm theo).

Bãi bỏ Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải xây dựng quy trình nội bộ của thủ tục hành chính mới ban hành gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thìn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, ĐƯỜNG BỘ, ĐĂNG KIỆM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ của TTHC trên Cổng dịch vụ công Quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>					
1	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.  (1.003135.000.00.00.H56)	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Lệ phí cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn: - Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy; - Chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/giấy;  - Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (vật liệu PET): 135.000đồng/giấy	Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCN khả năng chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

2	<p>Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn</p> <p>(1.003168.000.00.00. H56)</p>	<p>- Trong thời hạn 03 làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Sở Giao thông vận tải gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)</p>	<p>1. <i>Phí sát hạch cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng:</i></p> <p>- Hạng ba: Lý thuyết tổng hợp: 50.000 đồng/lần sát hạch; Lý thuyết chuyên môn: 50.000 đồng/lần sát hạch; Thực hành: 90.000đồng/lần sát hạch</p> <p>- Hạng tư: Lý thuyết tổng hợp : 70.000 đồng/lần sát hạch; Thực hành: 80.000 đồng/lần sát hạch.</p> <p>2. <i>Phí sát hạch cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng:</i></p> <p>- Hạng ba: Lý thuyết tổng hợp: 40.000đ/lần sát hạch; Lý thuyết chuyên môn: 40.000đ/lần sát hạch; Thực hành: 60.000đ/lần sát hạch.</p> <p>3) <i>Sát hạch lại cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: Nội dung nào thì nộp phí mức sát hạch nội dung đó.</i></p> <p>4) <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn:</i></p> <p>- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/giấy;</p> <p>- Chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng /giấy;</p> <p>- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (vật liệu PET): 135.000đồng/giấy</p>	<p>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>
---	---	---	---	--	---

## II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

ST T	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ của TTHC trên Công dịch vụ công Quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
<b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>						
1	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa  (1.004248.000.0 0.00.H56)	<p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Phí thẩm tra, thẩm định công bố cảng thủy nội địa: 100.000 đồng/lần	<p>Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004;</p> <p>Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa.</p> <p>Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>	Phí

<b>Lĩnh vực Đường bộ</b>						
2	Cấp giấy phép lái xe quốc tế (2.001002.000.0 0.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải	Lệ phí cấp mới Giấy phép lái xe quốc tế : 135.000đồng/lần.	- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.  - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, mức thu, quản lý và sử dụng	Lệ phí
3	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế (1.002300.000.0 0.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Lệ phí cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế: 135.000đồng/lần.		Lệ phí
<b>Lĩnh vực Đăng kiểm</b>						
4	Cấp giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ (1.004325.000.0 0.00.H56)	Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu.	<b>Địa điểm:</b> Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn một trong các địa điểm sau của các Đơn vị Đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để nộp hồ sơ:  - Trung tâm	- Lệ phí: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.  - Giá dịch vụ kiểm định: 180.000 đồng/xe.	Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ.  Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp	Lệ phí, giá dịch vụ

			<p>đăng kiểm xe cơ giới 36.01S, 267 Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 36.02S, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>- Trung tâm</p>		<p>giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p>	
5	<p>Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (1.005018.000.0 0.00.H56)</p>	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu đạt yêu cầu.</p>	<p>đăng kiểm xe cơ giới 36.03D, Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Quảng Thành, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 36.04D, Phố 7, phường Quảng Thắng,</p>	<p>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận</p> <p>- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.</p> <p>- Mức giá dịch vụ: 560.000 đồng/xe đổi với thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới,</p>	<p>Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>Lệ phí, giá dịch vụ</p>

			<p>thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 36.05D, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p><b>2. Thời gian:</b> Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết, và ngày nghỉ theo quy định).</p>	<p>xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Mức giá dịch vụ: 910.000 đồng/xe đổi với thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.</p>		
6	<p>Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chờ người bốn bánh có gắn động cơ.</p> <p>(1.005005.000.0 0.00.H56)</p>	<p>Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.</p>		<p>- Lệ phí: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.</p> <p>- Giá dịch vụ kiểm định 180.000 đồng/xe.</p>	<p>Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chờ người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;</p> <p>Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>	<p>Lệ phí, giá dịch vụ</p>



### III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b> (Bãi bỏ 02/02 TTHC tại Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 13/4/2017; bãi bỏ 01/20 TTHC lĩnh vực Đường thủy nội địa tại Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; Bãi bỏ 01/13 TTHC lĩnh vực Đường thủy nội địa tại Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)			
1	T-THA-288320-TT	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông Vận tải	Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCN khả năng chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
2	T-THA-288321-TT	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông Vận tải	
3	T-THA-288585-TT	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế	Thông tư số 01/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa

4	T-THA-288945-TT	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
<b>Lĩnh vực Đường bộ</b> (Bãi bỏ 02/18 TTHC tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND tỉnh ngày 25/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)			
5	T-THA-287702-TT	Cấp giấy phép lái xe quốc tế	Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, mức thu, quản lý và sử dụng
6	T-THA-287703-TT	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	
<b>Lĩnh vực Đăng kiểm</b> (Bãi bỏ 03/18 TTHC tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND tỉnh ngày 25/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)			
7	T-THA-287715-TT	Cấp giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chờ hàng bốn bánh có gắn động cơ	Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
8	T-THA-287716-TT	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	
9	T-THA-287717-TT	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chờ người bốn bánh có gắn động cơ.	Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.